

DANH MỤC
Số lượng, cấu hình thiết bị tường lửa

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Thiết bị tường lửa: Thông số phần cứng - Cặp cổng chia sẻ GE RJ45/SFP: ≥ 2 cổng - Cổng nội bộ GE RJ45: ≥ 8 cổng - Cổng USB 3.0: ≥ 1 cổng - Cổng Console (RJ45): ≥ 1 cổng - Bộ nhớ trong: ≥ 1 ổ SSD ≥ 128 GB Hiệu suất hệ thống - Thông lượng IPS: ≥ 1.4 Gbps - Thông lượng NGFW: ≥ 1 Gbps - Thông lượng bảo vệ mỗi đe dọa: ≥ 900 Mbps Hiệu suất hệ thống - Thông lượng tường lửa (gói UDP 1518 / 512 / 64 byte): $\geq 10/10/7$ Gbps - Độ trễ tường lửa (gói UDP 64 byte): ≤ 4 μ s - Thông lượng tường lửa (gói tin mỗi giây): ≥ 10.5 Mpps - Số phiên đồng thời (TCP): ≥ 1.5 triệu - Số phiên mới mỗi giây (TCP): $\geq 45,000$ - Chính sách tường lửa: $\geq 5,000$ - Thông lượng IPsec VPN (512 byte): ≥ 6.5 Gbps - Đường hầm IPsec VPN Gateway-to-Gateway: ≥ 200 - Đường hầm IPsec VPN Client-to-Gateway: $\geq 2,500$ - Thông lượng SSL-VPN: ≥ 950 Mbps - Số người dùng SSL-VPN đồng thời: tối đa 200 - Thông lượng kiểm tra SSL (IPS, trung bình HTTPS): ≥ 715	Cái	01	

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Mbps - Số kết nối mỗi giây kiểm tra SSL (IPS, trung bình HTTPS): ≥ 700 CPS - Số phiên đồng thời kiểm tra SSL (IPS, trung bình HTTPS): $\geq 100,000$ - Thông lượng kiểm soát ứng dụng (HTTP 64K): ≥ 1.8 Gbps - Thông lượng CAPWAP (HTTP 64K): ≥ 9 Gbps - Miền ảo (Mặc định / Tối đa): Tối đa: 10 / 10 - Số lượng FortiSwitches hỗ trợ tối đa: 16 - Số lượng FortiAPs hỗ trợ tối đa (Tổng / Chế độ đường hầm): 32 / 16 - Số lượng FortiTokens hỗ trợ tối đa: 500 - Cấu hình cao cấp (High Availability): Hỗ trợ Active/Active, Active/Passive, Clustering. Dịch vụ và bảo hành - Dịch vụ: tối thiểu 1 năm FortiCare Premium và FortiGuard Unified Threat Protection (UTP) - Bảo hành: tối thiểu 12 tháng			